

Bản án số: 100/2019/HS-ST
Ngày 29/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chiến

Bà Bùi Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Văn T1**, tên gọi khác: không; sinh ngày 11 tháng 9 năm 19xx tại huyện L1, tỉnh N1; Nơi cư trú: Thôn T4, xã S1, huyện L1, tỉnh N1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn M2, sinh năm 19xx và bà Ngô Thị T4, sinh năm 19xx; có vợ là chị Nguyễn Thị T2, có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Đầu thú ngày 16/4/2019, hiện tạm giam- có mặt.

*** Bị hại:** Anh Phạm Văn M1, sinh năm 19xx; Nơi ĐKNKTT: Thôn N2, xã H1, huyện L2, tỉnh N1; Chỗ ở: Tổ 7, khu T5, phường B2, thành phố P, tỉnh Q-có đơn xin xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T4, xã S1, huyện L1, tỉnh N1- có mặt.

+ Anh Trương Văn M3, sinh năm 19xx; nơi ĐKNKTT: Thôn Đ2, xã T5, huyện H2, tỉnh B1; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu T5, phường B2, thành phố P, tỉnh Q- có đơn xin xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 19xx; nơi ĐKNKTT: Thôn T6, xã T5, huyện H2, tỉnh B1; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu T5, phường B2, thành phố P, tỉnh Q- vắng mặt.

***Người làm chứng:**

+ Anh Hoàng Văn M4, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn P1, xã H1, huyện L2, tỉnh N1- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Văn T1 là lái xe thuê cho đội xe tải chuyên san lấp mặt bằng do anh Phạm Văn M1 là chủ quản lý. Ngày 10/3/2019, tại bãi tập kết xe ở tổ 7, khu T5, phường B2, thành phố P, anh M1 nhờ T1 và anh Hoàng Văn M4 đưa lên thùng xe ô tô biển số 90C-087.75 của anh M1: 04 chiếc lốp ô tô tải loại 1200R20-20PKNA 785 có đủ xăm, yếm; 06 chiếc xăm; 05 chiếc yếm; 01 chiếc lazăng dùng cho lốp xe ô tô 1200R20, rồi phủ bạt che lại. Sau đó anh M1, M4 có việc phải về quê. Đến gần trưa ngày 11/3/2019, T1 đi từ trong lán ra ngoài cửa quan sát thấy xung quanh vắng vẻ, toàn bộ số công nhân, lái xe ô tô của đội xe đã về quê hết, T1 nảy sinh ý định trộm cắp số phụ tùng trên xe ô tô của anh M1 mang bán lấy tiền ăn tiêu. T1 biết ổ khóa cửa ca bin xe ô tô biển số 90 C-087.75 bị hỏng, có thể dùng chìa khóa cùng loại mở, nên đã dùng chìa khóa xe ô tô tải mà T1 vẫn sử dụng hàng ngày mở được cửa cabin xe này. Khi vào trong xe, T1 nhìn thấy chìa khóa điện cắm ở ổ khóa nên nổ máy, điều khiển xe đi đến xưởng sửa chữa ô tô Đình M3 của anh Trương Văn M3 ở tổ 3, khu T5, phường B2. T1 gặp và nói với anh Nguyễn Văn T3 (nhân viên của anh Trương Văn M3) là muốn bán xăm, lốp ô tô. Do anh Trương Văn M3 vắng nhà nên anh T3 gọi điện thoại cho anh M3 nói về việc trên, anh M3 nhờ anh T3 kiểm tra. Sau khi xem xong anh T3 điện báo lại cho anh M3 biết rồi đưa điện thoại để T1 nói chuyện với anh Trương Văn M3. Anh M3 thỏa thuận mua phụ tùng xe với giá 18.000.000 đồng, T1 đồng ý bán và mượn điện thoại của anh T3 để nhắn tin yêu cầu anh M3 chuyển tiền vào số tài khoản 19031807489880 mang tên Đình Văn T1, ngân hàng Techcombank. Khoảng 10 phút sau điện thoại của T1 báo tin nhắn đã nhận được tiền trong tài khoản. T1 lùi đuôi xe, đổ toàn bộ số vật tư xăm, lốp trên thùng ben xe xuống sân trước hiên xưởng sửa chữa ô tô Đình M3 rồi điều khiển xe ô tô đi về bãi đỗ xe như lúc ban đầu. Sau đó T1 bỏ đi Hà Nội và ăn tiêu hết số tiền trên. Ngày 12/3/2019, anh Trương Văn M3 giữ lại chiếc lazăng và bán số hàng còn lại cho người đàn ông không quen biết được 20.000.000 đồng. Ngày 14/3/2019, anh Phạm Văn M1 ở quê ra, phát hiện bị mất số tài sản để trên thùng xe ô tô. Anh M1 kiểm tra hành trình xe, thấy xe di chuyển đến xưởng sửa chữa ô tô của anh Trương Văn M3, nên đã đến công an trình báo. Đến ngày 16/4/2019, T1 đến Công an đầu thú.

Cơ quan điều tra tạm giữ của anh Trương Văn M3 01 chiếc lazăng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và 20.000.000 đồng; tạm giữ của anh Nguyễn Văn T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42 ngày 16/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: 04 lốp xe ô tô tải loại 1200R20-20PKNA 785 có đủ xăm, yếm trị giá 27.200.000 đồng; 06 chiếc xăm trị giá 2.100.000 đồng; 05 chiếc yếm trị giá 3.000.000 đồng; 01 chiếc lazăng dùng cho lốp xe ô tô 1200R20 trị giá 800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 33.100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKSCP ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Đình Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 từ 04 tháng tù đến 06 tháng tù, thời hạn tính từ khi bị bắt; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại anh Phạm Văn M1 vắng mặt, nhưng quá trình điều tra đã có lời khai thể hiện: Ngày 10/3/2019 anh nhờ T1, M4 bê một số vật tư anh đã mua gồm 04 quả lốp ô tô có đủ xăm và yếm, 06 xăm ô tô, 05 yếm và 01 chiếc lazăng lên thùng ben xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-087.75. Sau đó anh và anh M4 về quê. Chiều ngày 14/3/2019 anh và anh M4 từ quê ra, thấy số vật tư, phụ tùng để trên thùng xe ô tô đã mất. Anh liên lạc với T1 nhưng không được. Anh kiểm tra thiết bị định vị GPS gắn trên xe thì phát hiện thời gian trưa ngày 11/3/2019 đã có người điều khiển chiếc xe tải trên di chuyển đến xưởng làm lốp ô tô Đinh M3 của anh Trương Văn M3. Anh đóng giả là khách hàng vào trong xưởng kiểm tra thì thấy chiếc lazăng để trên thùng xe ô tô tải của anh đang ở đây. Sở dĩ anh nhận ra đây là đồ của anh vì trước đó anh đã ghi lên lòng trong của lazăng chữ số “90C-08775”. Đến nay, anh đã được gia đình T1 bồi thường số tiền 30.500.000 đồng, anh xin giảm nhẹ hình phạt cho T1.

Tại phiên tòa anh Trương Văn M3 vắng mặt nhưng quá trình điều tra có lời khai thể hiện: Ngày 11/3/2019, khi anh đang ở thành phố B1 giải quyết công việc thì nhận được điện thoại của T3 nói có người muốn bán phụ tùng ô tô và chuyển điện thoại để anh nói chuyện với T1. Khi anh hỏi T1 về số vật tư trên là của ai thì T1 nói là của T1, T1 cần bán để lấy tiền đi đăng kiểm xe nên anh đồng ý mua với số tiền 18.000.000 đồng và chuyển tiền qua tài khoản cho T1. Anh đã bán số vật tư trên (trừ chiếc lazăng) cho một người không quen biết với giá 20.000.000 đồng. Sau khi biết số tài sản trên là do T1 phạm tội mà có, anh đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền này và 01 chiếc lazăng để phục vụ công tác điều tra. Đến nay anh xin lại số tiền 18.000.000 đồng là tiền của cá nhân anh bỏ ra mua hàng của T1 trước đó.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo T1 về việc: Trưa ngày 11/3/2019 T1 đã điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-087.75 chở 04 quả lốp ô tô, 06 xăm ô tô, 05

yếm và 01 chiếc lazăng của anh Phạm Văn M1 đi từ bãi tập kết xe đến bán cho cửa hàng sửa chữa ô tô Đình M3 là phù hợp về hành trình xe được xác định thông qua thiết bị định vị gắn trên chiếc xe ô tô này; phù hợp với lời khai của bị hại anh Phạm Văn M1 về số lượng tài sản bị mất; và đặc biệt phù hợp với vật chứng là chiếc lazăng có đặc điểm riêng mà anh Phạm Văn M1 đã phát hiện ra tại cửa hàng sửa chữa ô tô Đình M3.

Lời khai của bị cáo Tiến về việc đã bán cho anh Trương Văn M3 số tài sản trên với giá 18.000.000 đồng cơ bản phù hợp với lời khai của anh Trương Văn M3, anh Nguyễn Văn T3 về quá trình trao đổi mua bán, giá cả, phương thức thanh toán chuyển khoản trả tiền..., điều này còn được chứng minh bằng chứng từ giao dịch giấy nộp tiền vào tài khoản của Trương Văn M3 chuyển tiền từ Vietinbank B1 đến chủ tài khoản Đình Văn T1 mở tại Techcombank vào ngày 11/3/2019.

[3] Đánh giá các chứng cứ nêu trên, kết hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được cơ quan điều tra xác minh, thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của người làm chứng; Kết luận định giá tài sản..., đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 11/3/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Phạm Văn M1, Đình Văn T1 đã lấy 04 quả lốp ô tô, 06 xăm ô tô, 05 yếm và 01 chiếc lazăng trị giá 33.100.000 đồng của anh Phạm Văn M1 bán cho anh Trương Văn M3.

Hành vi nêu trên của Đình Văn T1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự. Hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh tại địa phương. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để làm gương cho người khác.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình nên đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn; đồng thời đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ1, đại diện cho gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Phạm Văn M1 số tiền 30.500.000 đồng. Nay anh

Phạm Văn M1 không có yêu cầu gì thêm, anh Nguyễn Văn Đ1 không yêu cầu bị cáo Tiến phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại anh Phạm Văn M1 01 chiếc lazăng; trả lại anh Trương Văn M3 18.000.000 đồng và 01 điện thoại di động; trả lại cho anh Nguyễn Văn T3 01 điện thoại di động nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng còn lại trong tổng số 20.000.000 đồng mà anh Trương Văn M3 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra đã xác định anh Trương Văn M3 không biết việc T1 bán tài sản do phạm tội mà có, nên đã mua với giá 18.000.000 đồng và bán lại cho người khác với giá 20.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự ngay tình, không phải là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Tuy nhiên anh Trương Văn M3 chỉ yêu cầu trả lại số tiền 18.000.000 đồng, vì vậy số tiền 2.000.000 đồng này cần sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Trương Văn M3, Nguyễn Văn T3 mua phụ tùng ô tô của Đinh Văn T1 nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T1 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 16/4/2019.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đinh Văn T1 nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 127/BB-THA ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Q.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đinh Văn T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Đinh Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Phạm Văn M1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn M3, anh Nguyễn Văn T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án .

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan điều tra CA TP Cẩm Phả;
- Cơ quan THAHS công an TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu HS- VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Bích